

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 22/6/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: 07 đường V, phường Y, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Nguyễn Văn H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: 13B đường Đ, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1969; Địa chỉ: 709 đường P, tổ 01, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh N là chỗ quen biết với nhau. Ngày 09/7/2021 âm lịch là ngày 16/8/2021 dương lịch ông N vay bà H số tiền 48.770.000 đồng để kinh doanh. Khi vay ông N có viết giấy mượn tiền đưa cho bà H giữ. Chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông N. Trong giấy mượn tiền không thể hiện thời hạn trả nợ, không xác định rõ lãi suất chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận. Tuy nhiên phía nguyên đơn trình bày ông N có thỏa thuận

miệng sau 30 ngày kể từ thời điểm viết giấy nợ thì ông N trả nợ cho bà H. Nhưng từ khi vay đến nay bà H đã điện thoại và đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng ông N không trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh N phải trả số tiền gốc là 48.770.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 16/8/2021 đến 16/6/2023 là 8.900.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 57.670.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn T không có mặt để trình bày quan điểm của mình về nội dung vụ án, phía nguyên đơn chỉ cung cấp Giấy mượn tiền ngày 09/7/2021 âm lịch, Kiểm sát viên xét thấy với tài liệu chứng cứ này không đủ căn cứ để khẳng định chữ viết và chữ ký của ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chữ ký và chữ viết của ông Ngọc hoặc người làm chứng để xác định có việc vay tiền giữa bà H và ông Ngọc, do vậy kiểm sát viên không phát biểu quan điểm của mình về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh N; địa chỉ: 709 đường P, tổ 01, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia L phải trả số tiền còn nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự, “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Thanh N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong giấy mượn tiền ngày 09/7/2021 âm lịch. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ông Ngọc đã không có mặt tại nơi cư trú mà nguyên đơn cung cấp nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại

nơi cư trú của bị đơn để tiến hành giải quyết thủ tục chung theo quy định tại các Điều 177, 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ngọc.

[4] Ông N đã được Tòa án cấp tổng đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên chứng cứ Giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về việc đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chữ ký, chữ viết của ông N cũng như người làm chứng để chứng kiến có việc vay tiền giữa bà H và ông N.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 48.770.000 đồng nợ gốc và trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ khi vay ngày 16/8/2021 đến ngày 16/6/2023, đồng thời cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 09/7/2021 âm lịch là ngày 16/8/2021 dương lịch có chữ viết và chữ ký của bên mượn tiền ông Nguyễn Thanh N. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không xác định rõ lãi suất chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận. Phía nguyên đơn trình bày ông N có thỏa thuận miêng sau 30 ngày sau kể từ ngày viết giấy mượn tiền sẽ trả nợ cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Xét hợp đồng vay tiền giữa bà H và ông N là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi và được giao kết hợp pháp. Ông N đã được Tòa án cấp tổng đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”, vì từ khi vay đến nay ông Ngọc không trả gốc và lãi cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả gốc và tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 48.770.000 đồng và tiền lãi 8.900.000 đồng, tổng cộng 57.670.000 đồng.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 177, 192 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 40, Điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, cụ thể như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 57.670.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc 48.770.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 16/6/2023 là 8.900.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 2.883.500 đ (*Hai triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 1.340.675 đồng (*Một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002696 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (22/6/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

